

Thứ sáu, ngày 5 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index đóng cửa dưới tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/5/2023		●	
Tuần 8/5-12/5/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau một ngày giằng co, VN-Index đóng cửa tại 1,040.31 điểm, gần như không thay đổi gì so với hôm qua. Số mã tăng nhiều áp đảo số mã giảm, tuy nhiên 9/19 ngành tăng điểm cho thấy dòng có xu hướng tiền tập trung vào một số mã nhất định trong các ngành. Ngành tăng mạnh nhất hôm nay là Y tế; ở chiều ngược lại, ngành Bán lẻ dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, VN-Index khả năng vẫn giao dịch quanh ngưỡng 1,040 ± 10 điểm.

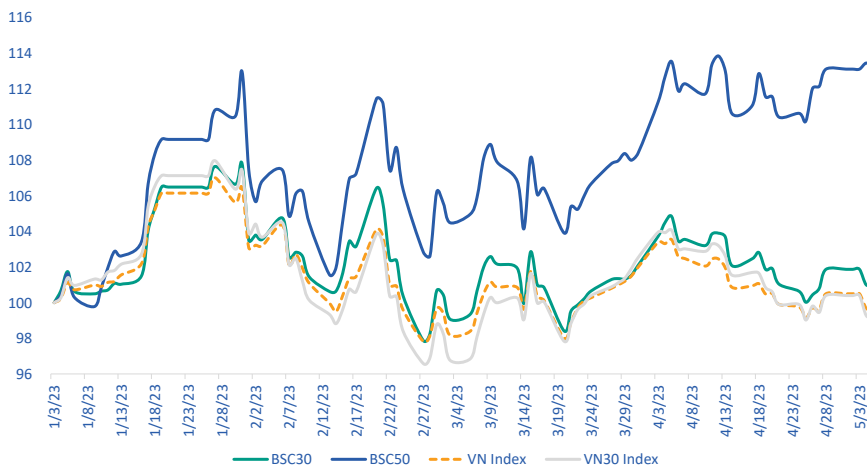
Hợp đồng tương lai: VN30F2305 giảm theo nhịp vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 5/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.3** điểm, đóng cửa **1040.31** điểm. HNX-Index **-0.35** điểm, đóng cửa **207.8** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+1.54), MSN (+0.86), PGV (+0.31), HPG (+0.22), HDB (+0.16).
- Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.57), VHM (-0.55), CTG (-0.48), BID (-0.38), TCB (-0.31).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,892** tỷ đồng, giảm **-25.56%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,303 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.53 điểm. Thị trường có **154** mã tăng, **67** mã tham chiếu, **223** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-197.15** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-63.16 tỷ)**, **CTG (-58.82 tỷ)**, **SSI (-26.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.63** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX	1040.31
Giá trị: 6891.61 tỷ	-0.3 (-0.02%)
Khối ngoại (ròng): -197.15 tỷ	
HNX-INDEX	207.80
Giá trị: 973.32 tỷ	-0.35 (-0.17%)
Khối ngoại (ròng): 1.63 tỷ	
UPCOM-INDEX	77.56
Giá trị: 382.22 tỷ	0.29 (0.38%)
Khối ngoại (ròng): -2.59 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	69.6	1.56%
Giá vàng	2,040	-0.49%
Tỷ giá USD/VND	23,622	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,892	0.28%
Tỷ giá JPY/VND	17,499	0.17%
LS liên NH 1 tháng	5.3%	0.17%
LS TPCP 5 năm	2.8%	0.07%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	55.10	STB	-63.16
VCB	26.09	CTG	-58.82
DGC	23.32	SSI	-26.90
NLG	17.29	KBC	-26.75
PLX	16.60	VPB	-24.10

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 5/5

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1, HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 4/5, dầu thô Brent tăng 17 US cent tương đương 0.24% lên 72.5USD/thùng. Trong khi, dầu thô Tây Texas WTI giảm 4 US cent tương đương 0.06% xuống 68.56 USD/thùng, trong phiên giao dịch giá dầu WTI giảm xuống 63.64 USD/thùng – thấp nhất kể từ tháng 12/2021.
- Giá dầu diễn biến trái chiều sau khi Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) quyết định giảm tốc độ tăng lãi suất, song giá dầu vẫn giảm hơn 9% trong tuần do lo ngại nhu cầu tại các nước tiêu thụ lớn.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 2,045.79 USD/ounce, sau khi tăng lên 2,072.19 USD/ounce trong phiên giao dịch và đạt mức cao kỷ lục 2,072.49 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn New York tăng 0.9% lên 2,055.7 USD/ounce.
- Giá vàng tăng lên mức cao kỷ lục, do mối lo ngại về ngân hàng Mỹ đã thúc đẩy nhu cầu vàng thời là tài sản trú ẩn an toàn.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên giảm 2.31% xuống 698.5 CNY/tấn – thấp nhất kể từ ngày 9/12/2022 sau khi giảm 13% trong tháng 4/2023. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn Singapore chạm mức thấp nhất 5 tháng (99.2 USD/tấn), sau khi giảm gần 18% trong tháng trước đó.
- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên và Singapore chạm mức thấp nhất 5 tháng, sau khi giảm hơn 10% trong tháng trước đó, do số liệu hoạt động nhà máy của Trung Quốc thấp hơn so với dự kiến và triển vọng nhu cầu hạ nguồn trong ngắn hạn âm ảm đạm gây áp lực thị trường.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2023 trên sàn ICE tăng 0.35 US cent tương đương 1.4% lên 25.52 US cent/lb, sau khi đạt mức cao nhất 11.5 năm trong tuần trước đó. Giá đường tăng được hỗ trợ bởi nguồn cung thắt chặt. Citi dự báo giá đường trung bình trong năm nay sẽ ở mức 22.9 US cent/lb, do thị trường đường trong năm 2022/23 và có thể năm 2023/24 vẫn thiếu hụt.

Thị trường chứng khoán thế giới

	5/5	% 5/5	4/5	% 4/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1040.31	-0.03%	1040.61	10.00%	0.53%	-2.29%
S&P 500			4061.22	-0.72%	-1.79%	-1.53%
HĐTL S&P500	4091.25	0.38%	4075.75	-1.84%	-2.32%	-0.63%
Shang-hai	3334.50	-0.48%	3350.46	8.47%	2.13%	2.25%
Euro Stoxx	4300.45		4287.03	7.59%	-1.35%	-0.25%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	11.6	8	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	15.5	50	3.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.45	59	1.66%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.4	64	-2.33%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

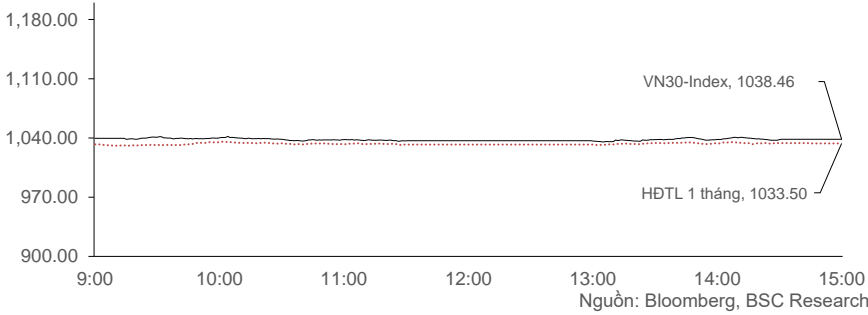
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất		TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	1	1.66%	-2.33%	0.67%	45
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1028.00	0.06%	-10.46	-44.3%	34	12/21/2023	230
VN30F2305	1033.50	-0.14%	-4.96	4.2%	167,575	5/18/2023	13
VN30F2306	1030.00	0.05%	-8.46	-14.0%	924	6/15/2023	41
VN30F2309	1028.50	0.03%	-9.96	-36.4%	21	9/21/2023	139

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -1.18 điểm xuống 1038.46 điểm, biên độ dao động 7.04 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VIC, VHM, VPB, và STB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 rơi xuống vùng giá 1038 sau một ngày giằng co tại vùng 1036. Chỉ số kết phiên tổng sắc đỏ. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- VN30F2305 giảm theo nhịp vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Xét về khối lượng, VN30F2305 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2309 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2227	11/1/2023	180	3:1	25,500	48.87%	2,400	2,170	4.83%	1,198	1.812	24,500	20,500	21,450
CHPG2225	6/6/2023	32	2:1	109,100	48.87%	1,550	1,520	4.83%	2,283	0.67	21,290	17,000	21,450
CHPG2306	11/9/2023	188	8:1	583,100	48.87%	1,380	1,120	1.82%	490	2.29	23,510	20,000	21,450
CACB2208	9/5/2023	123	4:1	84,800	35.47%	1,400	1,240	0.81%	1,025	1.21	26,660	21,500	24,650
CMWG2215	11/1/2023	180	6:1	233,800	45.14%	1,300	460	0.00%	439	1.05	51,500	45,000	37,800
CMWG2302	11/9/2023	188	10:1	324,600	45.14%	1,350	300	0.00%	170	1.77	53,060	50,000	37,800
CMBB2211	8/31/2023	118	10:1	534,300	38.98%	1,200	100	0.00%	8	12.32	27,520	27,000	18,100
CVHM2216	8/31/2023	118	16:1	263,200	39.22%	1,900	210	0.00%	65	3.23	63,280	62,000	49,000
CSTB2224	9/5/2023	123	1:1	53,700	49.23%	2,700	3,210	-0.31%	5,967	0.54	26,380	20,000	24,950
CSTB2303	11/9/2023	188	4:1	163,700	49.23%	4,500	2,720	-0.73%	1,320	2.06	27,620	22,000	24,950
CVHM2219	9/5/2023	123	6:1	138,600	39.22%	2,800	700	-1.41%	373	1.88	59,350	56,000	49,000
CSTB2225	11/1/2023	180	5:1	171,400	49.23%	2,900	3,350	-2.05%	1,229	2.73	27,180	20,500	24,950
CVRE2219	6/6/2023	32	1.33:1	152,000	43.63%	1,050	390	-2.50%	524	0.74	30,470	29,000	27,150
CHPG2303	7/17/2023	73	2:1	33,900	48.87%	2,800	1,790	-3.24%	510	3.51	26,140	23,900	21,450
CVPB2302	8/16/2023	103	5.89:1	53,100	38.75%	2,400	1,890	-3.57%	367	5.16	23,140	18,600	19,450
CVPB2214	9/5/2023	123	15.7:1	227,500	38.75%	1,100	1,010	-3.81%	211	4.78	21,480	17,000	19,450
CVRE2216	8/31/2023	118	2.66:1	683,000	43.63%	1,650	300	-6.25%	552	0.54	33,240	31,000	27,150
CMWG2214	9/5/2023	123	10:1	187,100	45.14%	1,100	280	-9.68%	144	1.94	50,700	46,500	37,800
CMBB2213	6/6/2023	32	3:1	136,500	38.98%	1,550	540	-10.00%	499	1.08	19,280	17,000	18,100
CFPT2210	8/31/2023	118	10:1	312,800	24.30%	2,350	230	-14.81%	118	1.95	94,700	90,000	78,400
Tổng				4,471,700	42.98%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 5/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2306 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 15.91%. Giá trị giao dịch giảm -46.37%. CHPG2306 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.91%.
- CMSN2214, CMWG2213, CVNM2211, và CSTB2224 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CTPB2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CHPG2225, CHPG2301, và CVNM2211 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.80	1.47	1.54	225700
MSN	73.00	3.40	0.86	950000
PGV	20.90	5.56	0.31	62200
HPG	21.45	0.70	0.22	10.79MLN
HDB	19.05	1.33	0.16	1.32MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	50.70	-1.17	-1	1.30MLN
VHM	49.00	-1.01	-1	793200
CTG	27.85	-1.42	0	3.72MLN
BID	43.45	-0.69	0	296500
TCB	28.70	-1.20	0	3.44MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

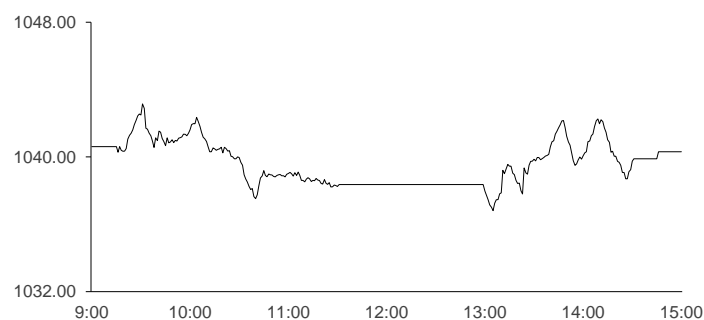
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSH	9.79	6.99	0.02	2.35MLN
HU1	7.24	6.94	0.00	300
MHC	4.16	6.94	0.00	535500
ITC	9.74	6.92	0.02	2.04MLN
HSL	5.57	6.91	0.00	219600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	50.70	-1.17	-0.57	1.30MLN
VHM	49.00	-1.01	-0.55	793200
CTG	27.85	-1.42	-0.48	3.72MLN
BID	43.45	-0.69	-0.38	296500
TCB	28.70	-1.20	-0.31	3.44MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	13.50	3.05	0.33	29200.00
THD	39.20	0.51	0.12	7600
KSF	40.90	0.99	0.10	17100
PTI	31.80	5.65	0.07	3000.00
VNR	25.70	7.53	0.07	130600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	38.60	-1.28	-0.19	1.28MLN
HUT	16.40	-1.80	-0.16	1.51MLN
CEO	24.50	-1.61	-0.13	7.80MLN
BAB	13.50	-0.74	-0.12	7800
IDJ	14.10	-2.76	-0.09	5.55MLN

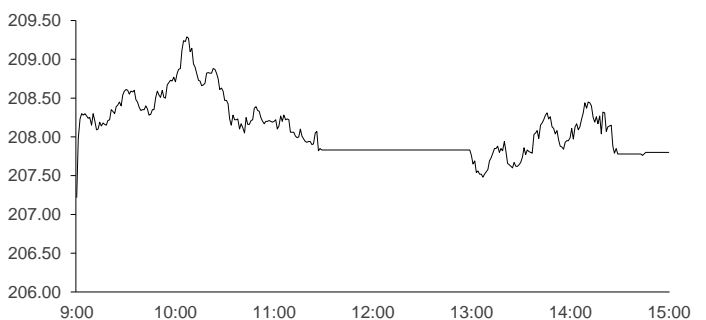
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMC	10.20	9.7	0.02	77600
VLA	51.40	9.6	0.01	100
SGD	25.20	9.6	0.00	100
SHE	12.60	9.6	0.01	28600
LM7	2.30	9.5	0.00	600

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

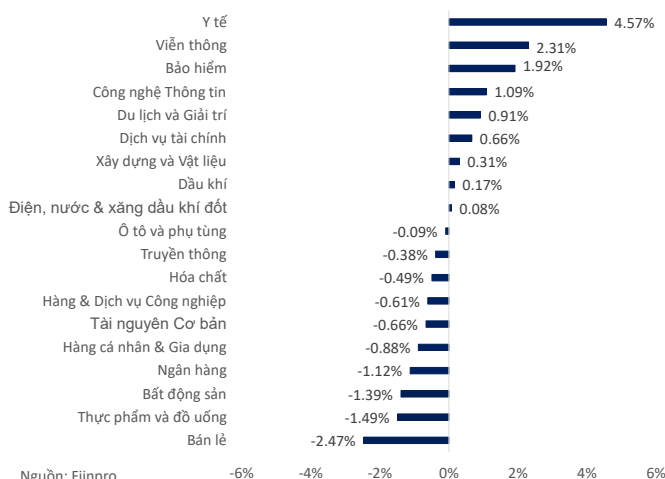
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTC	11.70	-10.00	0.00	100
SGC	70.80	-9.92	-0.02	100
DDG	7.30	-9.88	-0.07	1.59MLN
HCT	4.60	-9.80	0.00	100
AMC	17.90	-9.60	-0.01	600

Hình 2
HNX-Index Intraday



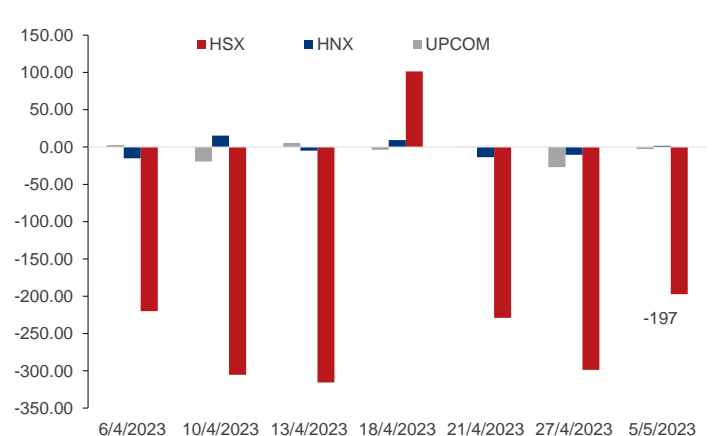
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

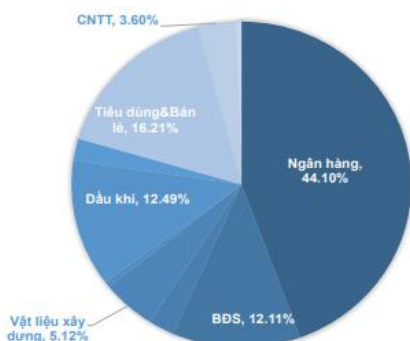
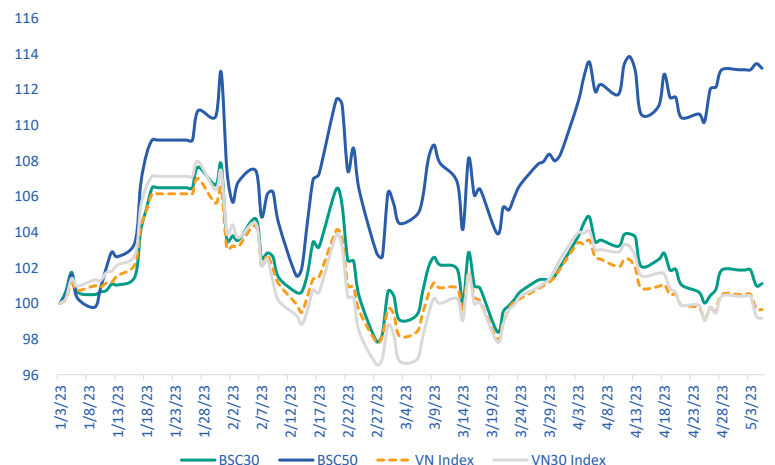
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
VCB	Ngân hàng	89.8	1.5%	0.9	18,477	0.9	7,311	12.3	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	43.5	-0.7%	1.0	9,556	0.6	4,208	10.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.5	-0.5%	1.2	5,677	5.0	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	28.7	-1.2%	1.4	4,389	4.3	14,982	1.9		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.5%	1.4	3,568	3.2	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	25.0	-0.8%	1.3	2,045	8.4	4,640	5.4	31,200	30.0%	Link
GVR	Ngân hàng	15.5	-1.3%	1.1	2,696	1.0	4,603	3.4	19,100	23.2%	Link
KBC	Ngân hàng	25.9	-1.1%	1.6	864	6.9	4,880	5.3	29,800	29.2%	Link
IDC	Chứng khoán	38.6	-1.3%	1.7	554	2.2			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	34.5	3.0%	1.6	673	2.3	1,217	28.3		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.5	0.7%	1.0	5,423	10.1	1,916	11.2	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	49.0	-1.0%	0.9	9,277	1.7	1,896	25.8	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.2	-0.4%	1.1	2,682	1.8	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	30.2	-0.8%	0.4	941	1.4	1,576	19.2	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	34.1	0.4%	1.5	569	2.8	2,557	13.3	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	51.4	0.8%	1.5	849	2.5	14,120	3.6	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	32.7	-0.3%	1.3	556	1.0	6,793	4.8	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.2	-0.9%	0.8	533	1.5	2,625	8.8	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	91.9	-0.1%	0.8	7,647	0.7	2,292	40.1	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	37.8	0.9%	1.1	2,088	1.9	1,340	28.2	45,000	20.4%	Link
PVS	Tiện ích	25.1	0.0%	1.3	522	1.9	993	25.3	33,000	6.3%	Link
PVD	Tiện ích	20.6	1.2%	1.5	497	1.4	7,698	2.7	26,000	49.0%	Link
POW	Tiêu dùng	13.1	0.4%	1.2	1,329	2.6	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Tiêu dùng	68.8	0.3%	1.2	6,252	2.1	2,605	26.4	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	73.0	3.4%	1.1	4,519	3.0	3,456	21.1	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	37.8	-0.3%	1.3	2,405	1.9	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	76.2	0.1%	0.7	1,087	0.6	2,965	25.7	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	61.5	3.4%	1.2	490	1.5	12,800	4.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.0	-1.4%	0.7	655	1.2	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.4	-0.1%	0.8	3,739	1.1	5,901	13.3	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.11%	-0.23%	-0.03%	-0.11%
1 tuần	-0.75%	0.07%	-0.84%	-1.23%
1 tháng	2.06%	8.33%	1.52%	2.48%
3 tháng	-2.35%	5.96%	-3.42%	-4.35%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	27.9	-1.4%	1.2	5,819	4.5	3,520	7.9	1.2	28.0%	16.1%
ACB	Ngân hàng	24.7	-0.2%	1.1	3,620	2.8	4,304	5.7	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.1	1.3%	1.0	2,083	1.1	3,149	6.0	1.2	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	13.7	0.4%	1.6	1,030	1.7	2,732	5.0	0.9	4.7%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.2	-0.2%	1.3	1,847	2.1	4,163	4.8	1.3	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	14.8	-1.7%	2.1	781	5.6	489	30.2	1.2		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.4	-1.1%	1.1	1,606	2.1	4,030	5.8	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	21.5	-1.4%	1.8	1,398	8.0	1,456	14.7	1.4		9.3%
CII	Xây dựng	14.3	-1.7%	1.8	157	2.4	218	65.7	0.7	9.8%	1.0%
C4G	Xây dựng	12.1	-2.4%	2.1	128	1.1	791	15.3	1.1	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	59.6	5.1%	1.8	191	1.6	184	324.0	0.5	49.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	13.0	-1.1%	1.6	173	1.4	966	13.4	0.5	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.1	-0.8%	2.0	99	1.7	781	15.4	0.9	3.3%	7.6%
BCM	KCN	77.9	-0.3%	0.9	3,506	0.3	1,170	66.6	4.8	2.8%	8.1%
HUT	KCN	16.4	-1.8%	1.5	249	1.1	162	101.3	1.5	2.0%	1.4%
PHR	KCN	40.9	-0.8%	1.4	241	0.4	6,039	6.8	1.6	14.6%	24.1%
SZC	KCN	32.5	-2.0%	1.8	141	1.5	1,323	24.5	2.1	3.2%	8.9%
HSG	Vật liệu	15.6	0.3%	2.1	404	7.6	(1,754)		0.9	16.8%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.2	0.0%	1.5	235	0.3	386	36.6	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	14.5	0.7%	2.2	166	2.0	(2,586)		0.7	12.3%	-11.8%
PTB	Vật liệu	43.5	1.2%	1.0	129	0.3	6,017	7.2	1.1	13.7%	19.5%
KSB	Vật liệu	25.0	-1.4%	1.7	83	1.2	1,393	17.9	1.0	7.4%	7.0%
NVL	BDS	13.6	0.0%	1.0	1,149	11.3	362	37.4	0.7	6.2%	1.9%
DXG	BDS	13.2	-0.8%	2.2	350	7.1	(240)		0.9	20.4%	-1.6%
HDC	BDS	34.0	-0.7%	1.4	160	2.1	3,157	10.8	2.0	1.4%	25.4%
DIG	BDS	19.1	0.8%	2.5	505	17.9	262	72.8	1.7	5.8%	2.1%
IJC	BDS	13.7	-0.4%	2.1	150	1.2	1,662	8.2	0.9	5.9%	11.2%
PVT	Dầu khí	20.2	0.5%	1.3	284	2.1	2,649	7.6	1.1	17.3%	15.3%
PLC	Dầu khí	32.1	-0.9%	1.8	113	0.5	1,355	23.7	2.1	0.9%	8.2%
DRC	Săm lốp	21.0	-0.5%	1.3	108	0.2	2,246	9.3	1.3	8.2%	14.4%
REE	Tiện ích	66.2	-0.9%	0.8	1,023	0.7	7,721	8.6	1.5	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	13.8	3.0%	1.8	511	13.1	10	1381.9	1.0	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	31.2	-1.7%	0.8	390	0.7	3,245	9.6	2.0	15.9%	20.9%
HDG	Tiện ích	33.3	-1.8%	1.5	354	1.4	4,718	7.0	1.5	20.8%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.2	-0.4%	1.3	331	1.7	1,257	22.4	1.5	8.4%	6.8%
GEG	Tiện ích	16.1	-2.1%	1.1	225	1.1	956	16.8	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Tiện ích	8.8	0.5%	2.1	203	3.3	220	39.7	0.7	2.0%	1.5%
BSR	Dầu khí	15.8	-0.6%	1.6	2,130	2.4	4,750	3.3	1.0	41.1%	33.2%
SAB	Bán lẻ	165.5	-0.7%	0.2	4,614	0.8	7,649	21.6	4.4	62.6%	22.1%
QNS	Bán lẻ	43.8	3.5%	0.5	680	0.9	4,226	10.4	1.8	19.3%	17.5%
FRT	Bán lẻ	64.0	-0.2%	1.4	330	0.7	1,863	34.4	3.8	29.4%	11.5%
DGW	Bán lẻ	33.6	0.0%	1.7	244	1.2	3,397	9.9	2.2	22.4%	24.7%
DBC	Bán lẻ	14.8	0.0%	2.0	156	2.0	(1,339)		0.8	5.9%	-7.2%
PET	Bán lẻ	25.5	2.0%	2.4	110	1.0	1,026	24.9			4.3%
BAF	Bán lẻ	21.8	0.7%		136	2.6	1,409	15.4	1.7	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	33.5	2.8%	1.7	194	2.8	4,368	7.7	1.5	6.7%	20.1%
VSC	Logistics	28.4	0.5%	0.5	149	0.3	2,087	13.6	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	40.9	-3.5%	1.1	125	1.7	9,072	4.5	1.2	8.5%	34.4%
CTR	Công nghệ	64.0	1.4%	1.3	318	0.5	4,040	15.8	4.2	11.0%	29.3%
TNG	Dệt may	19.0	-3.1%	1.7	87	2.0	2,879	6.6	1.2	14.1%	19.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
21	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
23	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
24	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
25	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
26	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
28	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
29	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
32	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
35	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
38	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
41	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
42	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

